

Số: 128/2021/QĐST-VHNGĐ

Phú Mỹ, ngày 08 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 55; 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 327/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Võ Văn K, sinh năm 1975. Địa chỉ: Xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bà Tổng Thị T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Bà T và ông K yêu thương nhau và tự nguyện sống chung, cả hai đã tổ chức đám cưới và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Giấy chứng nhận kết hôn số 101/2002, quyển số 01 vào ngày 26-7-2002, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Quá trình sống chung, hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, hai vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng bất thành. Năm 2020 cả hai đã sống ly thân cho tới nay. Qua trình bày của các đương sự, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà T, ông K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà T, ông K thống nhất ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, ghi nhận việc bà Tổng Thị T và ông Võ Văn K thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Tổng Thị T và ông Võ Văn K có 02 con chung là Võ Quang K, sinh ngày 15/8/2003 và Võ Quang N, sinh ngày 09/12/2008. Theo nguyện vọng của con, bà Tổng Thị T và ông Võ Văn K thỏa thuận: Giao cháu Võ Quang K, sinh ngày 15/8/2003 cho bà Tổng Thị T nuôi dưỡng và chăm sóc,

ông K có N vụ cấp dưỡng nuôi cháu và Võ Quang N, sinh ngày 09/12/2008 mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Riêng cháu Võ Quang K, sinh ngày 15/8/2003 đã đủ tuổi trưởng thành nên bà T, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thỏa thuận về con chung giữa bà T, ông K là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con chung và không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí việc hôn nhân: Bà T, ông K tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Tổng Thị T và ông Võ Văn K thuận tình ly hôn. ( Giấy chứng nhận kết hôn số 101/2002, quyển số 01 vào ngày 26-7-2002 của Ủy ban nhân dân xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu không còn giá trị sử dụng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực).

- **Về con chung:** Bà Tổng Thị T và ông Võ Văn K có 02 con chung là Võ Quang K, sinh ngày 15/8/2003 và Võ Quang N, sinh ngày 09/12/2008. Bà Tổng Thị T và ông Võ Văn K thỏa thuận: Giao cháu Võ Quang K, sinh ngày 15/8/2003 cho bà Tổng Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, ông K có N vụ cấp dưỡng nuôi cháu và Võ Quang N, sinh ngày 09/12/2008 mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Riêng cháu Võ Quang K, sinh ngày 15/8/2003 đã đủ tuổi trưởng thành nên bà T, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bắt đầu thực hiện N vụ cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2021.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.*

Sau khi ly hôn, ông Võ Văn K có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về lệ phí:** Bà Tống Thị T và ông Võ Văn K nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0005528 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy, ông K, bà T đã nộp xong lệ phí.

**2.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- UBND P. Mỹ Xuân
- Chi cục THADS TX. Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Văn Thị Hiền**